

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02-02-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thu Huyền;

Ông Vi Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đắc T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ I, phường L, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bị đơn: Bà La Thị Minh A, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Đắc T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đắc T và bà La Thị Minh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành

phố Hà Nội vào ngày 12/4/2021. Tuy nhiên do thời gian tìm hiểu ngắn, hai bên chưa hiểu hết về nhau nên quá trình chung sống sau kết hôn bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về suy nghĩ, lối sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, những lần cãi vã như vậy bà La Thị Minh A thường tự bỏ nhà đi. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không liên lạc, bà La Thị Minh A chặn số điện thoại, ông Bùi Đắc T gọi điện thì không nghe máy, ông Bùi Đắc T đã tìm mọi cách liên lạc nhưng bà La Thị Minh A không trả lời hoặc nhắn tin có những lời nói xúc phạm ông Bùi Đắc T. Nay ông Bùi Đắc T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa do vậy ông Bùi Đắc T yêu cầu được ly hôn với bà La Thị Minh A.

Về con chung: Ông Bùi Đắc T và bà La Thị Minh A có 01 con chung là cháu La T1, sinh ngày 03/12/2021. Khi vợ chồng ly thân, bà La Thị Minh A đang mang thai con chung đến nay ông Bùi Đắc T chưa từng được gặp con. Con chung vẫn do bà La Thị Minh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy khi ly hôn, ông Bùi Đắc T để bà La Thị Minh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La T1, ông sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng. Đối với yêu cầu của bà La Thị Minh A về việc yêu cầu ông Bùi Đắc T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng ông Bùi Đắc T không đồng ý vì cho rằng mức thu nhập của ông không ổn định, không có khả năng đáp ứng, hơn nữa ông tìm hiểu theo nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định về chuẩn bộ có mức sống trung bình khu vực nông thôn, bình quân trên đầu người/tháng là 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng. Do vậy ông chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi cháu La T1 với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà La Thị Minh A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà La Thị Minh A xác nhận có quen biết, kết hôn với ông Bùi Đắc T trên cơ sở tự nguyện. Hai ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành phố Hà Nội vào ngày 12/4/2021. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng ông bà về chung sống tại phường L, quận L, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống đến giữa năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bà La Thị Minh A đã bỏ về bên ngoại ở xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ở từ đó đến nay. Nay bà La Thị Minh A xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông Bùi Đắc T yêu cầu ly hôn, bà La Thị Minh A cũng nhất trí.

Về con chung: Bà La Thị Minh A và ông Bùi Đắc T có 01 con chung là cháu La T1, sinh ngày 03/12/2021. Thời điểm ly thân, bà đang mang thai cháu La T1, từ khi sinh ra đến nay cháu La T1 vẫn do bà La Thị Minh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy khi ly hôn, bà La Thị Minh A yêu cầu được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La T1 và yêu cầu ông Bùi Đắc T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc T, cho ông Bùi Đắc T được ly hôn với bà La Thị Minh A.

Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu La T1, sinh ngày 03/12/2021 cho bà La Thị Minh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Bùi Đắc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, ông Bùi Đắc T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Đắc T phải chịu 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Bùi Đắc T cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện; trích lục kết hôn; giấy tờ tùy thân; bản tự khai; xác nhận thông tin về cư trú; ảnh chụp tin nhắn zalo trích ra từ lịch sử điện thoại của ông Bùi Đắc T; công văn số 34/CV-TECHCO ngày 06/11/2023 về việc xác minh về nơi cư trú của bà La Thị Minh A.

Tài liệu chứng cứ do bị đơn bà La Thị Minh A cung cấp gồm có: Căn cước công dân của bà La Thị Minh A và giấy khai sinh của cháu La T1.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm có: Biên bản xác minh tại Trường Trung học phổ thông H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và biên bản xác minh với bà Vy Thị N.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn bà La Thị Minh A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể tiến

hành hòa giải được vụ án, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Đắc T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà La Thị Minh A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Kiểm sát viên không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên tòa được tiếp tục. Xét thấy, bị đơn thuộc trường hợp cố ý vắng mặt, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Bùi Đắc T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn bà La Thị Minh A có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và đang công tác tại Trường Trung học phổ thông H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đắc T và bà La Thị Minh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận L, thành phố Hà Nội vào ngày 12/4/2021 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Việc mâu thuẫn này, cả hai ông, bà đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Bùi Đắc T và bà La Thị Minh A đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, cả hai đều đồng ý ly hôn tuy nhiên bà La Thị Minh A đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc nên Tòa án không thể công nhận việc thuận tình ly hôn mà xem xét yêu cầu ly hôn của ông Bùi Đắc T đưa ra là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Bùi Đắc T và bà La Thị Minh A có 01 con chung là cháu La T1, sinh ngày 03/12/2021. Từ khi sinh ra đến nay, cháu La T1 đã sinh sống cùng với bà La Thị Minh A và ông bà ngoại tại thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, điều này phù hợp với xác minh của Tòa án tại nhà bà Vy Thị N. Hội

đồng xét xử thấy việc giao cháu La T1 cho bà La Thị Minh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện sinh hoạt thực tế, không gây ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại của cháu La T1 cũng như phù hợp với ý kiến của bị đơn bà La Thị Minh A nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà La Thị Minh A. Giao cháu La T1 cho bà La Thị Minh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn ông Bùi Đắc T đề nghị được cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn bà La Thị Minh A yêu cầu ông Bùi Đắc T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng. Xét thấy cháu La T1 và bà La Thị Minh A hiện đang sinh sống tại thôn P, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn là xã miền núi, có mức thu nhập trung bình thấp, hơn nữa bà La Thị Minh A không chứng minh được mức thu nhập của ông Bùi Đắc T do vậy yêu cầu của bà La Thị Minh A là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Ý kiến đề nghị của ông Bùi Đắc T phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về lãi xuất chậm trả: Do hai bên đương sự không có thỏa thuận do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự xác định: Kể từ ngày án có hiệu lực, nếu bà La Thị Minh A có đơn yêu cầu thi hành án, ông Bùi Đắc T chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông Bùi Đắc T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về tài sản chung nợ chung: Ông Bùi Đắc T, bà La Thị Minh A không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Đắc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đắc T xử cho ông Bùi Đắc T được ly hôn với bà La Thị Minh A.

2. Về con chung: Giao cháu La T1, sinh ngày 03/12/2021 cho bà La Thị Minh A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Bùi Đắc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng:

Ông Bùi Đắc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng) từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà La Thị Minh A có đơn yêu cầu thi hành án, ông Bùi Đắc T chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông Bùi Đắc T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Bùi Đắc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng ông Bùi Đắc T phải chịu 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận ông Bùi Đắc T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005606 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ông Bùi Đắc T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội;
- UBND xã Vạn Linh, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thế Khuynh